

Số: 51/2012/NQ-HĐND

Buôn Ma Thuột, ngày 06 tháng 7 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

**V/v quy định nội dung chi, mức chi đặc thù cho công tác kiểm tra,
xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật
trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk**

BÌNH VĂN ĐẾN SỐ 727
Ngày 24 tháng 7 năm 2012

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA VIII - KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc Hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 35/TTr-UBND ngày 21/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định nội dung chi, mức chi đặc thù cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 18/BC-HĐND ngày 29/6/2012 của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành, thông qua Nghị quyết về quy định nội dung chi, mức chi đặc thù cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh, bao gồm cả công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật phục vụ trực tiếp cho việc soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan có chức năng, nhiệm vụ giúp cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản do cơ quan, tổ chức khác ban hành, quy định tại Điều 14 Nghị định số 40/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản; các cơ quan thực hiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản được quy định tại Điều 10 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; các cơ quan được giao chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND được ngân sách nhà nước cấp kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo Nghị quyết này.

3. Nội dung chi, mức chi:

a. Quy định một số nội dung chi, mức chi đặc thù bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật như sau:

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cụ thể (ĐVT: 1.000 đồng)		
			Cơ quan cấp tỉnh	Cơ quan cấp huyện	Cơ quan cấp xã
1	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch (bao gồm cả xử lý văn bản tại cơ quan được kiểm tra); họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại cơ quan kiểm tra				
a	Chủ trì cuộc họp	Người/ buổi	150	120	80
b	Các thành viên tham dự	Người/ buổi	100	80	60
2	Chi lấy ý kiến chuyên gia đối với các văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp	01 báo cáo/01 văn bản	500	400	300
3	Chi hỗ trợ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra	01 văn bản	100	80	

4	Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản				
a	Mức chi chung	01 văn bản	100	80	
b	Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp	01 văn bản	300	200	
5	Chi soạn thảo, viết báo cáo				
a	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật	01 báo cáo	200	200	
b	Báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản theo chuyên đề, địa bàn, theo ngành, lĩnh vực (có Kế hoạch của cơ quan có thẩm quyền)	01 báo cáo	1.000	800	500
6	Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản trên các phương tiện thông tin đại chúng		Được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp	Được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp	Được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
7	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản				
a	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra văn bản để lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật.	01 văn bản	80	70	50
b	Chi thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí ... phục vụ xây dựng cơ				



	sở dữ liệu kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật				
	Đối với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí		Được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp	Được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp	Được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
	Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn (không áp dụng đối với các văn bản được thu thập các văn bản đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng công báo)	01 tài liệu (hoặc 01 văn bản)	70	50	30

b. Thủ trưởng các cơ quan được nêu tại khoản 2, Điều 1, Nghị quyết này, căn cứ vào nguồn ngân sách được cấp hàng năm, quyết định chi phù hợp với Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, nhưng không được vượt quá mức chi nêu trên, nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm luật trên địa bàn tỉnh.

c. Các nội dung khác không quy định trong Nghị quyết này thì được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 122/2011/TTLT-BTP-BTC ngày 17/8/2011 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hiện hành khác có liên quan.

Điều 2. Nguồn kinh phí bảo đảm.

1. Kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, và hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó bố trí và được tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan được giao nhiệm vụ.

2. Đối với các tổ chức pháp chế không phải là đơn vị dự toán, hàng năm, tổ chức pháp chế phải căn cứ vào các nội dung kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản quy định tại Nghị quyết này và kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa được duyệt, lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản gửi bộ phận tài chính của cơ quan mình để tổng hợp chung vào dự toán kinh phí của cơ quan theo quy định.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ hàng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Đại biểu của Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Thay thế Nghị quyết số 18/2008/NQ-HĐND ngày 08/10/2008 của HĐND tỉnh về việc quy định kinh phí cho công tác xây dựng, rà soát và hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16/3/2012 của Bộ Tài chính - Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá VIII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 06 tháng 7 năm 2012.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBTW Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra Văn bản- Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở: TC, Tư pháp;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Đắk Lắk; Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, Trưởng, Phó P.Ct HĐND. *AAC*

CHỦ TỊCH



Niê Thuật